TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH VĨNH LONG

Bản án số: 41 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24-5-2019
"V/v tranh chấp
hôn nhân và gia đình".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V,
TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Mỡn.**
- Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Trâm.**
Ông **Nguyễn Văn Cơ Ba.**
- Thư ký phiên tòa: Bà **Dương Thị Thu Nguyệt** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện V, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà **Lữ Ngọc Minh Châu** – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 590/2018/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2018 về ***"Tranh chấp hôn nhân gia đình"*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Phượng H** - sinh năm: 1988;
Địa chỉ: ấp Ruột Ng, xã Trung H, huyện C, tỉnh Tr Vinh.
- *Bị đơn:* Anh **Đồng Thanh Tr** - sinh năm: 1981;
Địa chỉ: ấp Mướp S, xã Trung H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Đồng Thanh Tr là Luật sư **Nguyễn Văn T**, Văn phòng luật sư Văn Tư, đoàn luật sư thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện ngày 15/12/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Phượng H trình bày như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Do quen biết, tự nguyện tìm hiểu và được sự đồng ý của hai bên gia đình chị H và anh Đồng Thanh Tr đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Hiệp, huyện V, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 16/4/2010. Sau ngày cưới vợ chồng anh chị sống chung với cha mẹ chồng tại ấp Mướp S, xã Trung Hiệp, huyện V khoảng 10 năm thì vợ chồng ra sống riêng tại ấp Mướp S, xã Trung Hiệp vào tháng 10/2017. Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình anh Tr cọc cằn, gia trưởng, anh Tr có đánh chị H khoảng 03-04 lần, anh Tr không quan tâm chăm sóc chị H, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Vợ chồng đã không còn sống chung từ năm 8/2018 đến nay.

Nay chị H nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài và hàn gắn được. Nên chị H yêu cầu được ly hôn với chồng là anh Đồng Thanh Tr.

- Về con chung: vợ chồng có ba người con chung tên:

1/ Đồng Thị Hạnh Tr1, sinh ngày 14/12/2008

2/ Đồng Thị Ngân Tr2, sinh ngày 23/5/2012

3/ Đồng Phúc Tr3, sinh ngày 29/6/2015

Sau khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Đồng Thị Hạnh Tr1, Đồng Thị Ngân Tr2 và Đồng Phúc Tr3. Chị H yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi các con là 700.000 đồng/1 tháng/ 1 cháu, đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Chị H không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị H không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị H không còn ý kiến hay yêu cầu nào khác.

** Tại bảng khai ý kiến và các lời khai khác trong hồ sơ vụ án bị đơn anh Đồng Thanh Tr trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Do quen biết, tự nguyện tìm hiểu anh Tr và chị Trần Phượng H đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Hiệp, huyện V ngày 16/4/2010. Sau ngày cưới vợ chồng sống chung với cha mẹ ruột của anh Tr tại ấp Mướp S, xã Trung Hiệp đến năm 2017 thì vợ chồng ra sống riêng. Thời gian vợ chồng sống hạnh phúc được 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng không còn sống chung từ tháng 8/2018 đến nay.

Nay vợ chị Trần Phượng H yêu cầu ly hôn với anh Tr thì anh đồng ý do nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài.

- Về con chung: vợ chồng có ba người con chung tên:

1/ Đồng Thị Hạnh Tr1, sinh ngày 14/12/2008

2/ Đồng Thị Ngân Tr2, sinh ngày 23/5/2012

3/ Đồng Phúc Tr3, sinh ngày 29/6/2015

Sau khi ly hôn anh Tr yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Đồng Thị Ngân Tr2 và Đồng Phúc Tr3, anh Tr không yêu cầu cô H cấp dưỡng nuôi con. Anh Tr đồng ý giao cháu Đồng Thị Hạnh Tr1 cho chị H nuôi dưỡng, anh Tr không đồng ý cấp dưỡng cháu Đồng Thị Hạnh Tr1.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Anh Tr không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung phải thu, phải trả: Anh Tr không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V có ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 28; 35; 39;147; 262 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 55; 81; 82; 83; 107; 116; 117 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Phượng H. Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Trần Phượng H và anh Đồng Thanh Tr.

- Về con chung: giao cháu Đồng Thị Hạnh Tr1, sinh ngày 14/12/2008; Đồng Thị Ngân Tr2, sinh ngày 23/5/2012; Đồng Phúc Tr3, sinh ngày 29/6/2015 cho chị Trần Thị Phượng H trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Đồng Thanh Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con là 700.000 đồng/1 tháng/ 1 cháu, đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung của vợ chồng: chị H và anh Tr không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Về nợ chung phải thu, phải trả của vợ chồng: chị H và anh Tr không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27, Nghị quyết:326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc chị Trần Phượng H phải nộp án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Anh Đồng Thanh Tr phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Hôn nhân giữa chị H và anh Tr là quan hệ hôn nhân hợp pháp, chị H và anh Tr có tổ chức lễ cưới năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Hiệp, huyện V ngày 16/4/2010. Vợ chồng chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 8 năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình anh Tr cọc cằn, gia trưởng, anh Tr không quan tâm chăm sóc chị H và có vài lần anh Tr đánh chị H. Chị H và anh Tr đã không còn sống chung từ tháng 8/2018 đến nay.

Xét thấy, chị H và anh Tr khẳng định không còn tình cảm với nhau do mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chị H và anh Tr thuận tình ly hôn với nhau là có cơ sở để chấp nhận và phù hợp với Điều 55 luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: chị H và anh Tr có ba người con chung tên:

1/ Đồng Thị Hạnh Tr1, sinh ngày 14/12/2008

2/ Đồng Thị Ngân Tr2, sinh ngày 23/5/2012

3/ Đồng Phúc Tr3, sinh ngày 29/6/2015

Sau khi ly hôn chị H yêu cầu được chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng ba cháu Đồng Thị Hạnh Tr1, Đồng Thị Ngân Tr2, Đồng Phúc Tr3. Chị H yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi các con là 700.000 đồng/1 tháng/ 1 cháu, đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

Cả ba cháu Hạnh Tr1, Ngân Tr2 và Phúc Tr3 đang sống chung với chị H. Đối với cháu Ngân Tr2 và Phúc Tr3 còn quá nhỏ nên cần có mẹ để chăm sóc sẽ chu đáo hơn. Để ổn định cuộc sống cho các cháu nên cần giao các cháu cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Buộc anh Tr phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 700.000 đồng/1 tháng/ 1 cháu, đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung của vợ chồng: chị H và anh Tr không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung phải thu, phải trả của vợ chồng: chị H và anh Tr không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc chị Trần Phượng H phải nộp 300.000 đồng (trăm nghìn đồng) án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh Đồng Thanh Tr phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28; 35; 39; 147; 262 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 55; 81; 82; 83; 107; 116; 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015); Điểm a khoản 5; Điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Phượng H.

- Về mối quan hệ hôn nhân: giao cháu Đồng Thị Hạnh Tr1, sinh ngày 14/12/2008; Đồng Thị Ngân Tr2, sinh ngày 23/5/2012; Đồng Phúc Tr3, sinh ngày 29/6/2015 cho chị Trần Thị Phượng H trực tiếp nuôi dưỡng.

Buộc anh Đồng Thanh Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung như sau:

Anh Đồng Thanh Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đồng Thị Hạnh Tr1 mỗi tháng 700.000 đồng cho đến khi cháu Hạnh Tr1 đủ 18 tuổi.

Anh Đồng Thanh Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đồng Thị Ngân Tr2 mỗi tháng 700.000 đồng cho đến khi cháu Ngân Tr2 đủ 18 tuổi.

Anh Đồng Thanh Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đồng Phúc Tr3 mỗi tháng 700.000 đồng cho đến khi cháu Phúc Tr3 đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung: chị Trần Phượng H và anh Đồng Thanh Tr không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: chị Trần Phượng H và anh Đồng Thanh Tr không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Trần Phượng H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N^{0} 0009472, ngày 20/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V. Chị Trần Phượng H không phải nộp thêm.

Anh Đồng Thanh Tr phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xem xét phúc thẩm lại./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TA tỉnh Vĩnh Long;*
- *VKSND huyện V;*
- *THADS huyện V;*
- *UBND xã Trung Chánh;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

Nguyễn Thị Kim Mỡn